

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/ 2017/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 9 năm 2017
V/v: tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Xuân Thủy**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Cúc**

2. Bà Trần Thị Thọ

-Thư ký phiên tòa: **Bà Lại Nguyệt Ánh** – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Bùi Thị Hảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2017/QĐHPT ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị H – sinh năm: 1970

Hộ khẩu thường trú: Phố A , Phường K , Quận H , Hà Nội

Hiện ở: Phố A , Phường K , Quận H , Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

2.Bị đơn: Anh K- sinh năm: 1970.

Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Phố E , Phường S , Quận H , Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn được bổ sung bởi bản tự khai ngày 22/4/2017 nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường K vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại số Phố E , Phường S , Quận H , Hà

Nội . Quá trình chung sống không mấy hạnh phúc, đến ngày 01/12/2015 chị và các con đã chuyển đến phố Q sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do sau khi sinh con thứ hai tức là vào năm 2004 anh K uống quá nhiều rượu, không kiểm soát được bản thân nên thường xuyên chửi mắng vợ con, thiếu tôn trọng vợ con. Chị đã cố gắng làm mọi cách để các con không bị ảnh hưởng về việc gia đình. Nhưng chị và các con rất thất vọng vì anh K mỗi lần bị say rượu lại chửi bới vợ con, sự việc ngày càng trở nên thường xuyên và tồi tệ hơn. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, anh K không hề hỏi han quan tâm đến vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung: M – sinh ngày: 31/1/1998, B – sinh ngày: 18/2/2004, cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu B đang sống với chị, sức khỏe bình thường, nguyện vọng của tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, tôi không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị đang làm việc tại công ty dịch vụ sân bay chi nhánh Hà Nội trực thuộc Tổng công ty hàng không dân dụng Việt Nam, thu nhập trung bình hơn 10 triệu/tháng.

Về tài sản, nhà ở và công nợ: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các nội dung trên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn anh K không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B cho đến khi cháu B trưởng thành. Về tài sản, nhà ở chung và công nợ chị xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Về hướng giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án anh K không đến Tòa án làm

việc theo giấy triệu tập của Toà. Toà án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015. Như vậy anh K đã từ bỏ quyền lợi của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Chị H và anh K đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H đối với anh K

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: M – sinh ngày: 31/1/1998, B – sinh ngày: 18/2/2004, cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không xét. Cháu B đang sống với chị H, sức khỏe bình thường, nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, tôi không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên đề nghị HĐXX xem xét giao chị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Chị H xác nhận không có không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng:

Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh K không có bản tự khai và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Toà án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

2 Về nội dung:

Chị và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngô Thì Nhậm vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu say xỉn chửi bới vợ con, không kiểm soát được bản thân. Vợ chồng chị H, anh K ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm ai, mỗi người sống theo cách của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được Tòa án tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng anh K không có ý kiến gì cũng không có văn bản

tài liệu gì nộp cho Tòa án.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết anh K và chị H là những người sống kín đáo, mâu thuẫn từ bên trong ít biểu lộ ra bên ngoài. Chị H và anh K đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, mỗi người ở một nơi.

Như vậy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng chị H và anh K đã ly thân nhau từ năm 2015, không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người sống theo cách riêng của mình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh K là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: M – sinh ngày: 31/1/1998, B – sinh ngày: 18/2/2004, cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không xét.

Cháu B đang sống với chị H, sức khỏe bình thường, nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, hiện cháu B đang ở với chị H, mọi việc chăm sóc đưa đón cháu B đi học đều do chị H làm. Chị H hiện đang làm tại công ty dịch vụ sân bay chi nhánh Hà Nội trực thuộc Tổng công ty hàng không dân dụng Việt Nam, thu nhập trung bình hơn 10 triệu/tháng.

Xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của chị H và nguyện vọng của cháu B nên giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B cho đến khi cháu trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh K được quyền thăm nom chăm sóc cháu B không ai được ngăn cản.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Chị H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh K không nộp bản tự khai và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Về án phí: chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị H và anh K.Chị H được ly hôn đối với anh K

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: M – sinh ngày: 31/1/1998, B – sinh ngày: 18/2/2004, cháu M đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không xét.

Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh K được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2345 ngày 14 tháng 2 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Anh K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Chị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng
- Tòa án NDTP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Lưu

Phạm Xuân Thuỷ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng
- Tòa án NDTP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thủy

Chị Nhâm có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án